

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/DS-ST

Ngày 12-8-2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tư và ông Hoàng Hoa Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 57/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2026/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Thông báo số: 03/TB-TA, ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2); Địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A A, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Thời T – Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2); Địa chỉ: B N, phường B tỉnh Đắk Lắk (Theo Giấy ủy quyền số: 224953.26, ngày 22 tháng 7 năm 2026) – Có mặt.

Bị đơn:

- Anh Đào Văn H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T3 - Z-30D) – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Lê Thị V1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) - V2 phòng giao dịch Buôn Ma T1 ký với anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 hợp đồng tín dụng số 7488390.22 ngày 16/03/2022. Số tiền giải ngân: 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng);

Mục đích giải ngân: Vay mua xe ô tô tải (có mui) mới 100%, kinh doanh, nhãn hiệu DOTHANH-IZ65-3.5-TMB, BKS 48H-009.36 theo HĐMB số 220205/HĐMB-HDTN ký ngày 22/02/2022; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,1%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo từng sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm; Trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 20, kỳ đầu tiên thanh toán vào ngày 20/04/2022, số tiền trả mỗi kỳ 4.500.000 đồng, số tiền còn lại trả vào cuối kỳ; Trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 20, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 20/04/2022; Trả phí: theo quy định của V2 từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn. V2 đã giải ngân cho anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7488390.22 ký ngày 16/03/2022 với số tiền 270.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 18/12/2024, anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 đã thanh toán cho V2 số tiền là 158.370.366 đồng (trong đó: gốc là 103.500.000 đồng, lãi là 54.870.366 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 20/04/2024 và đang xếp loại nợ nhóm 4 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) khởi kiện yêu cầu anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) số tiền 254.081.443 đồng, trong đó: 166.500.000 đồng tiền gốc; 1.985.618 đồng tiền lãi trong hạn và 85.595.825 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12-8-2026 (ngày xét xử sơ thẩm) và tiếp tục trả lãi từ ngày 13-08-2026 cho đến khi trả xong nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7488390.22 ngày 16 - 03 - 2022.

Đối với hợp đồng thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) không yêu cầu giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết bị đơn anh Đào Văn H trình bày: Tôi và chị V1 có ký hợp đồng vay Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) - V2 Phòng V2 số tiền khoảng 300.000.000 đồng, lãi suất vay không nhớ, thời hạn trả nợ là 05 năm. Tôi và chị V1 có dùng 01 xe ô tô tải BKS 48C.00936 thế chấp. Xe ô tô tải hiện nay do Công an H1, tỉnh Bình Thuận cũ quản lý. Tôi không nhớ đã trả tiền gốc và lãi bao nhiêu cho Ngân hàng nhưng thống nhất số tiền nợ gốc là 166.500.000 đồng, tiền lãi là 16.540.776 đồng theo đơn khởi kiện của Ngân hàng. Tôi không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng là do tôi bị đi chấp hành án từ năm 2024 cho đến nay, nên hiện nay không có khả năng thanh toán. Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) khởi kiện thì tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về số tiền tạm tính của Ngân hàng cho đến thời điểm khởi kiện về số tiền gốc, tiền lãi và tiền lãi quá hạn, chỉ xin được giảm phần tiền lãi trong hạn và quá hạn, tiền lãi trong hạn sẽ liên hệ gia đình thanh toán sau.

Quá trình giải quyết bị đơn chị Lê Thị V1 trình bày: Tôi và anh H trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ năm 2023. Hiện nay, anh H đang chấp hành án ở

Trại giam T3 - Z-30D. Tôi và anh H có ký hợp đồng tín dụng ngày 16-3-2022 để vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) - VIB Phòng giao dịch V2, số tiền vay tôi không nhớ cụ thể, tôi nhớ khoảng 300.000.000đ, mục đích vay là để mua xe tải, thường là anh H trả, trả như thế nào thì tôi không biết. Sau khi ly hôn, tôi và anh H thỏa thuận để anh H sử dụng xe ô tô tải, anh H chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Xe ô tô tải biển kiểm soát bao nhiêu, hiện nay xe ở đâu tôi không biết. Ngân hàng khởi kiện thì việc trả nợ là của anh H, tôi không liên quan vì sau khi ly hôn, tôi và anh H đã thỏa thuận là anh H chịu trách nhiệm trả nợ. Anh H đã trả cho Ngân hàng bao nhiêu tôi không biết, tôi chỉ ký giấy tờ, tôi biết hiện nay vẫn còn nợ Ngân hàng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2): Buộc anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 254.081.443 đồng, trong đó: 166.500.000 đồng tiền gốc; 1.985.618 đồng tiền lãi trong hạn và 85.595.825 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12-08-2026 và tiếp tục trả lãi từ ngày 13-08-2026 cho đến khi trả xong nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7488390.22 ngày 16 - 03 – 2022.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1. Anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 là bị đơn có nơi cư trú tại Bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh H và chị V1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 có ký Hợp đồng tín dụng số 7488390.22 ngày 16 - 03 - 2022 với Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2). Trong quá trình thực hiện, đến hạn trả nợ anh H, chị V1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo như thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và anh H đã thừa nhận là vi phạm nghĩa vụ. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) yêu cầu anh H, chị V1 có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12-08-2026 là 254.081.443 đồng (trong đó nợ gốc: là 166.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 1.985.618 đồng; nợ lãi quá hạn là: 85.595.825 đồng) là có căn cứ.

Xét lời khai của chị V1 thì việc vay tiền của Ngân hàng nhằm mục đích để mua xe ô tô tải. Năm 2023 chị và anh H ly hôn, khi ly hôn đã thoả thuận anh H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, đây chỉ là thoả thuận miệng giữa anh H và chị V1 không được Ngân hàng chấp nhận, khoản nợ này là nợ trong thời kỳ hôn nhân, là nợ chung của vợ chồng nên anh H và chị V1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh H, chị V1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) số tiền 254.081.443 đồng, trong đó: 166.500.000 đồng tiền gốc; 1.985.618 đồng tiền lãi trong hạn và 85.595.825 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12-08-2026 và tiếp tục trả lãi từ ngày 13-08-2026 cho đến khi trả xong nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7488390.22 ngày 16 - 03 - 2022 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V2) không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) đối với anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1.

Buộc anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) số tiền 254.081.443 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu không

trăm tám mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: 166.500.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc; 1.985.618 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm mười tám đồng) tiền lãi trong hạn và 85.595.825 đồng (T2 mươi lăm triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12-8-2026 và tiếp tục trả lãi từ ngày 13-8-2026 cho đến khi trả xong nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7488390.22 ngày 16 - 03 - 2022 giữa bên cấp tín dụng là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) và bên được cấp tín dụng là anh Đào Văn H, chị Lê Thị V1.

2. Về án phí: Buộc anh Đào Văn H và chị Lê Thị V1 phải chịu 12.704.072đ (Mười hai triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn không trăm bảy mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) 4.684.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008921 ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6, 7 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm